TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 30/10/2018
V/v Ly hôn giữa chị Th và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Ngọc Cảnh;

2. Ông Hoàng Văn Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bế Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số 28/2018/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX - ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn*: Đàm Thị Th; Sinh năm: 1989.

Trú tại: xóm N - xã Nậm Ban - huyện Mèo Vạc - tỉnh Hà Giang.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Lương Văn T; Sinh năm: 1990.

Trú tại: xóm Gi - xã Ngọc Khê - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt) không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đàm Thị Th trình bày như sau: Chị (Th) và anh T kết hôn vào ngày

16 tháng 8 năm 2013. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Cưới xong, tình cảm vợ chồng rất tốt, có thời gian sống chung gần 06 năm và có với nhau 01 con chung, tên con Lương Thị Hà Th, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2014. Hiện nay con đang ở với bố tại xóm Gi, xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn: Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sống không hợp nhau. Trong quá trình chung sống, vì chị đi làm xa nhà có con nhỏ nên không ai trông, anh cũng đi theo chị để trông con. Anh hay đi giao lưu với nhân dân uống rượu, về chị nói anh không nghe, hay nóng tính còn chửi chị, đập điện thoại của chị, phá đồ đạc trong nhà và không coi chị là một người vợ. Năm 2016 anh và con về quê, mỗi người sống một nơi nhưng mâu thuẫn lại xuất hiện nhiều hơn, anh hay gọi điện cho chị yêu cầu gửi tiền về. Năm 2017, anh T có gọi điện cho chị, chị đã gửi về 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng chẵn) về cho anh để làm giấy tờ đất đai, nhưng anh cũng không làm và đem tiêu hết. Đến tháng 6 nghỉ hè về, chị hỏi anh thì anh nói đã đem đi trả nợ hết. Mỗi lần về nhà chị đều bị mất tiền dù đã cất rất kỹ, sau hỏi ra mới biết chính anh T đã lấy tiền của chị và biết được anh đã nghiện ma túy. Chị cảm thấy không thể chấp nhận được một người chồng như vậy. Đến ngày 10/7/2017 chị quyết định đi xuống nhà mẹ đẻ chị ở, không lên nhà anh nữa. Nay hai anh chị cũng đã sống ly thân được hơn 01 năm.

Tài sản hồi môn ngày cưới gồm có: giường, tủ, chăn ga gối đệm, bàn ghế. Hiện nay do anh T quán lý và sử dụng; Tài sản chung, tài sản riêng: không có gì.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn; Về con chung: Hiện nay con chung đang học lớp 4 tuổi, trường mầm non Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Hai anh chị chưa thỏa thuận được con sẽ ở với ai nhưng chị rất muốn cho cháu ở với chị, vì cháu là con gái, còn nhỏ, cần được mẹ chăm sóc trực tiếp, dạy dỗ để cho việc học hành được tốt hơn và cháu cũng muốn được ở với chị. Chị mong Tòa xem xét để chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Tại bản tự khai đề ngày 14 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lương Văn T trình bày như sau: Anh (T) và chị Đàm Thị Th kết hôn vào năm 2011. Việc kết hôn hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu. Có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Cưới xong, tình cảm vợ chồng vui vẻ, hòa thuận, có thời gian sống chung gần 06 năm và có với nhau 01 con chung, tên con Lương Thị Hà Th, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2014. Hiện nay con đang ở với anh tại xóm Gi, xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên nhân, lý do chị Th xin ly hôn với anh: anh không ở nhà nên không biết gì. Đến ngày 11 tháng 8 năm 2018 mẹ anh gọi điện thoại cho anh thì anh mới biết chị Th làm đơn lên Tòa án xin ly hôn. Trong quá trình chung sống, anh không được đuổi chị Th, cũng không được đánh đập chị, anh không làm gì sai, là do chị tự bỏ đi. Từ năm ngoái, chị Th đã không về với hai bố con anh.

Về tài sản hồi môn ngày cưới gồm có: chăn, màn, tủ đứng, giường. Hiện nay tôi đang quản lý; Tài sản chung, tài sản riêng: không có gì.

Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì chị Th tự bỏ đi và muốn ly hôn với anh; Về con chung: Nếu phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con hàng tháng; Về tài sản chung không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Th và anh T có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.Chị Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là quan hệ hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 8 năm 2013 tại UBND xã Ngọc Khê, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung, có thời gian sống hạnh phúc vui vẻ và đã có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, nghiện ngập, không tu chí làm ăn; hay đi uống rượu, về chị nói anh không nghe, hay nóng tính còn chửi chị, đập điện thoại của chị, phá đồ đạc trong nhà và không coi chị là một người vợ. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân được hơn một năm.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh T có thời gian tháo gỡ những khúc mắc của cuộc sống vợ chồng, để hai anh chị quay về đoàn tụ gia đình, nhưng anh T chỉ đến một lần và các lần khác đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu và tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

[5] Về con chung: Trong quá trình sống chung, chị Th và anh T có 01 con chung tên Lương Thị Hà Th, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2014. Hiện nay, cháu Hà Th ở với bố và ông bà nội. Xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị Th là có căn cứ, vì hiện nay chị Th là giáo viên có nguồn thu nhập ổn định hơn; anh T mắc vào tệ nạn xã hội, không có nguồn thu nhập ổn định nên không thể nuôi con chung ăn học được tốt như chị Th. Do đó, giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản hồi môn ngày cưới không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung, tài sản riêng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Đàm Thị Th và anh Lương Văn T được ly hôn.

2. **Về nuôi con chung:** Giao cháu Lương Thị Hà Th, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. **Về tài sản chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về án phí**: Chị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Th đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh theo Biên lai số AA/2011/000119 ngày 23 tháng 7 năm 2018.

5. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lương Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

*** Nơi nhận:**
- Tòa Dân sự - TAND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án - TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã Ngọc Khê;
- Hai bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

La Văn Viên